

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Địa chỉ: Số 109, Q, phường C, quận H, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T1, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần X – Chi nhánh tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hùng T, Chức vụ: Chuyên viên hỗ trợ hoạt động - Phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần X – Chi nhánh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số Z, đường R, phường 1, thành phố N, tỉnh G.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp 2, thị trấn B, huyện D, tỉnh G.

Vụ án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn Hùng T và bị đơn Nguyễn Thị T2 cùng thống nhất số tiền bị đơn Nguyễn Thị T2 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền là 112.740.523 đồng (*Một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn năm trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: 96.000.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu đồng*) tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn 1.118.720 đồng (*Một triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*), tiền lãi quá hạn 13.564.267 đồng (*Mười ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng*), tiền lãi chậm trả gốc 1.338.758 đồng (*Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng*), tiền lãi chậm trả lãi 718.778 đồng (*Bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng*) theo hợp đồng tín dụng số HDTD800201703139 ngày 18/7/2017.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 đồng ý trả số tiền là 112.740.523 đồng (*Một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn năm trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: 96.000.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu đồng*) tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn 1.118.720 đồng (*Một triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*), tiền lãi quá hạn 13.564.267 đồng (*Mười ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng*), tiền lãi chậm trả gốc 1.338.758 đồng (*Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng*), tiền lãi chậm trả lãi 718.778 đồng (*Bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng*) theo hợp đồng tín dụng số HDTD800201703139 ngày 18/7/2017 cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn Hùng T đồng ý với cách trả và thời gian trả trên của bị đơn bà Nguyễn Thị T2.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 03/12/2020), bị đơn bà Nguyễn Thị T2 còn phải chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số theo hợp đồng tín dụng số HDTD800201703139 ngày 18/7/2017 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 tự nguyện nộp số tiền 2.818.513 đồng (*Hai triệu tám trăm mười tám nghìn năm trăm mười ba đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.740.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003509 ngày 23/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- Đương sự ;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

Lư Trường Tây